

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HC-ST.

Ngày: 30/11/2018

*“V/v: Khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Từ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Bá Võ và ông Ngô Xuân Thanh

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên *tòa:* Bà Trần Thị Thùy Dung – Thư ký
Toà án nhân dân tỉnh Nghệ an.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Võ
Duy Bảo- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29, 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh
Nghệ An xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hành chính thụ lý số 09/2018/TLST-HC
ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc “Yêu cầu hủy Quyết định hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 52/2018/QĐXX-ST
ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Dương Thị H, sinh năm 1968

Địa chỉ: Xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Trần
Quốc Th, có mặt; Luật sư Vương Xuân Ch, vắng mặt - Văn phòng luật sư số 2,
Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An.

Người bị kiện: Chủ tịch UBND V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Hà Thanh T – Chức
vụ: Phó chủ tịch (được ủy quyền theo Quyết định ủy quyền số 2553/QĐ-UBND
ngày 04/5/2018); vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Thanh T– Chức vụ: Phó chủ tịch
(được ủy quyền theo Quyết định ủy quyền số 2553/QĐ-UBND ngày 04/5/2018);
vắng mặt.

- Chủ tịch UBND H, thành phố V, tỉnh Nghệ An:

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Th – Chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

- UBND xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Th – Chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

- UBND xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

- Ông Vương Đình M, sinh năm 1968

Địa chỉ: Xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện bà Dương Thị H trình bày: Thực hiện dự án xây dựng hồ điều hòa tại xã H, năm 2016 UBND V đã thu hồi của gia đình bà 8.633,7m² đất nuôi trồng thủy sản tại khu vực Biền đá, xóm Phong Phú, xã H, thành phố V. UBND xã H chỉ xác nhận cho gia đình bà 3.000m² đất Hợp tác xã P giao khoán là sử dụng trước ngày 01/7/2004 để bồi thường 100% giá trị đất; còn diện tích 5.633,7m² đất khai hoang, UBND xã H xác nhận nguồn gốc đất gia đình bà sử dụng sau ngày 01/7/2004 nên chỉ hỗ trợ bằng 60% giá trị đất. Không đồng ý với việc xác nhận thời điểm sử dụng đất đối với diện tích đất khai hoang 5.633,7m² sau ngày 01/7/2004, bà H làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND xã H. Ngày 19/10/2016, Chủ tịch UBND xã H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 125/QĐ-CT với nội dung “Bà Dương Thị H khiếu nại UBND xã H xác nhận không đúng về thời điểm sử dụng diện tích đất nông nghiệp 5.633,7m² là khiếu nại sai”. Bà H không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã H nên tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND V. Ngày 09/01/2017, Chủ tịch UBND V ban hành quyết định số 81/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà H với nội dung “Công nhận và giữ nguyên quyết định số 125/QĐ-CT ngày 19/10/2016 của Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết khiếu nại của bà Dương Thị H”. Bà H cho rằng nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND V là không đúng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Ngày 08/01/2018, bà Dương Thị H có đơn khởi kiện vụ án Hành chính: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 81/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của Chủ tịch UBND V, tỉnh Nghệ An. Tại bản tự khai ngày

18/4/2018 bà Dương Thị H bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị hủy Quyết định số 125/QĐ-CT ngày 19/10/2016 của Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà H.

Lý do khởi kiện bà H trình bày: Nguồn gốc diện tích 5.633,7m² đất khai hoang nêu trên, có một phần là do bố mẹ bà (ông Dương Xuân L và bà Trần Thị L) khai hoang cho bà vào năm 1991 khi bà kết hôn với ông Vương Đình M; một phần là đất của ông Võ Sỹ Đ, bà Nguyễn Thị T và một số hộ dân khác khai hoang sau đó không sử dụng nữa cho bà vào năm 2003 và một phần là đất chú mự bà (ông Dương Xuân D và bà Dương Thị L) khai hoang cùng thời điểm với bố mẹ bà, khi Nhà nước có chủ trương chuyển đổi đất trồng lúa kém năng suất sang nuôi trồng thủy sản thì ông D và bà Dương Thị L đổi cho bà để lấy một thửa đất của bà ở nơi khác. Trong 5.633,7m² đất có một phần đất trước đây là sông Rào Đùng nhưng sau đó sông đã bị bồi đắp hoàn toàn. Gia đình bà sử dụng liên tục từ khi được cho đất để trồng lúa, mỗi năm một vụ cho đến năm 2005 thì chuyển sang đào ao thả cá và gia đình ông D t, bà L cũng sử dụng liên tục từ khi khai hoang đến năm 2005 thì đổi cho bà đào ao thả cá nên cũng được tính là gia đình bà đã sử dụng liên tục từ trước ngày 01/7/2004, do đó phải được bồi thường 100% giá đất nông nghiệp nhưng UBND xã H xác nhận gia đình sử dụng sau ngày 01/7/2004 và chỉ bồi thường 60% giá trị đất là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà. Gia đình bà không có giấy tờ chứng minh đã sử dụng phần diện tích đất khai hoang trước ngày 01/7/2004; quá trình sử dụng, gia đình bà và các hộ cho đất, đổi đất cho gia đình bà không kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất với Nhà nước, không nộp thuế cho Nhà nước; việc đổi đất, cho đất cũng không có giấy tờ gì.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND V trình bày: Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 170 Luật đất đai năm 2013 (kế thừa Điều 107 Luật đất đai năm 2003) thì người sử dụng đất có nghĩa vụ thực hiện kê khai đăng ký đất đai, làm đầy đủ thủ tục khi chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho ... quyền sử dụng đất và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của Pháp luật. Căn cứ khoản b Điều 1 và Điều 9 Nghị định 25/HĐBT ngày 30/3/1983 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành thuế nông nghiệp và Điều 1, Điều 11, Điều 19 Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1993 thì việc khai báo và nộp thuế nông nghiệp khi sử dụng đất sản xuất nông nghiệp là trách nhiệm của người sử dụng đất. Theo đó, việc không kê khai đăng ký quyền sử dụng diện tích khai hoang và không nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với diện tích tự khai hoang là lỗi của người sử dụng đất. Gia đình bà H không cung cấp được giấy tờ, chứng cứ chứng minh việc có khai hoang, sử dụng 5.633,7m² đất trước thời điểm 01/7/2004 và cũng không xuất trình được giấy tờ chứng minh việc đổi đất, cho đất tại thời điểm năm 2005; gia đình bà Dương Thị L cũng không cung cấp được giấy tờ chứng minh gia đình bà đã khai hoang sử dụng phần đất cho gia đình bà H sử dụng nên không có căn cứ để công nhận. Theo báo cáo

của HTX Phong Phú, UBND xã H thì trước thời điểm đo đạc bản đồ năm 1993 đến thời điểm đo đạc 2001 phần diện tích 5.633,7m² hộ bà H đang khiếu nại vẫn là sông Rào Đưng và biên nước ven sông nằm giữa địa giới hành chính do UBND xã Hưng Hòa và UBND xã H quản lý, không giao cho hộ gia đình cá nhân nào khai thác sử dụng. Từ sau thời điểm đo đạc 2001 đến trước ngày 01/7/2004 có một vài hộ gia đình tận dụng một phần diện tích biên nước ven sông Rào Đưng để trồng lúa nhưng chỉ trồng ở vùng không ngập úng và không xác định được diện tích trồng lúa của các hộ; việc sử dụng cũng không ổn định, liên tục; không ai kê khai, đăng ký với Nhà nước, không nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp đến năm 2005 thì các hộ này không sử dụng nữa. Đến tháng 7/2005 hộ bà Dương Thị H mới chính thức đưa vào sử dụng phần diện tích 5.633,7m² để làm ao thả cá và sử dụng cho đến thời điểm nhà nước thu hồi đất. Như vậy, việc UBND xã H xác định phần diện tích 5.633,7m² được hộ bà H sử dụng sau ngày 01/7/2004 là phù hợp với thực tế sử dụng của hộ bà H và phù hợp với đa số ý kiến của các công dân sống lâu năm, am hiểu về vùng đất tại khu vực Biên Đá thuộc xóm P, xã H. Việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với nội dung khiếu nại của bà Dương Thị H đã đảm bảo về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung quy định của Luật khiếu nại năm 2011, Luật đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật đất đai năm 2013 nên giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 81/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của Chủ tịch UBND V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND xã H và UBND xã H trình bày: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà Dương Thị H, UBND xã H đã tiến hành xác minh một số công dân, làm việc với xóm trưởng xóm P, xã H; làm việc với hợp tác xã P; kiểm tra bản đồ năm 1993, bản đồ năm 2001, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ lưu tại xã H và hồ sơ quản lý đất nông nghiệp của Hợp tác xã P, trên cơ sở tiến hành ghép hiện trạng khu đất ao của gia đình bà H, ông M theo trích lục đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính khu đất số 108/2015/BĐ.ĐC được UBND V phê duyệt ngày 16/7/2015 xác định phần diện tích đất ao của bà H, ông Minh nằm trong phạm vi địa giới hành chính của 2 xã H và L, trong đó diện tích trên địa giới hành chính của xã H là 1.891,9m², diện tích trên địa giới hành chính của xã L là 6.741,8m². Diện tích ao ông M, bà H đã lập hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng là 8.633,7m², trong đó diện tích đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn của các hộ nằm trong ao bà H, ông M là 3.000m² còn lại 5.633,7m² là diện tích sông Rào Đưng và mặt nước hoang. Bà H không cung cấp được giấy tờ tài liệu chứng minh số diện tích đất nông nghiệp 5.633,7m² là do gia đình bà sử dụng trước ngày 01/7/2004. Những người làm chứng UBND xã H xác minh đều khẳng định diện tích đất nông nghiệp 5.633,7m² gia đình bà H sử dụng sau ngày 01/7/2004. Quá trình làm thủ tục thu hồi đất, UBND xã H và UBND xã H đã phối hợp xác nhận nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất cho gia đình bà H. Căn cứ

Luật đất đai 2013, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật đất đai năm 2013 thì không có cơ sở xác định diện tích 5.633,7m² đất nông nghiệp gia đình bà H sử dụng trước ngày 01/7/2004. Việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND xã H là đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An bác yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H.

Tại báo cáo số 260/BC-UBND ngày 19/7/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã H trình bày: Thực hiện Dự án xây dựng hồ điều hòa giai đoạn qua xã H, UBND V đã thu hồi các thửa đất một số hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án trong đó hộ gia đình bà Dương Thị H bị thu hồi 8.633,7m² đất nông nghiệp thuộc khu vực biên đá xóm P, xã H. Cánh đồng khu vực biên đá trên thuộc ranh giới, địa giới hành chính xã Hưng Hòa quản lý, UBND xã H không quản lý phần diện tích đất này nên tại thời điểm thu hồi đất thực hiện dự án UBND xã H không xác định thời điểm sử dụng đất của gia đình bà H. Tại phiên hòa giải, UBND xã H thừa nhận diện tích 5.633,7 m² thuộc địa giới hành chính của hai xã Hưng Hòa và H và cho rằng tại thời điểm thu hồi đất thực hiện dự án, UBND xã H và UBND xã H có phối hợp xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của gia đình bà H. UBND xã H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vương Đình M đồng ý với ý kiến của bà Dương Thị H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, ông Trần Quốc Th có ý kiến: Phần diện tích 5.633,7m² gia đình bà H khai hoang đã được UBND thành phố Vinh công nhận và hỗ trợ 60% giá trị đất, không có ai khiếu nại nên hợp pháp. Căn cứ Điều 12 Luật đất đai 2003, Nhà nước khuyến khích người dân khai hoang, sử dụng đất mặt nước để canh tác. Theo bản đồ đo đạc năm 1993 và năm 2001, thể hiện diện tích bà H sử dụng là sông Rào Đùng là đất mặt nước được Nhà nước khuyến khích khai hoang. Lời khai của ông Vương Quốc T nguyên Giám đốc Hợp tác P và lời khai các nhân chứng có tại hồ sơ vụ án xác nhận gia đình bà H sử dụng trước ngày 01/7/2004. Trước đây ông Th đã khai gia đình bà H sử dụng trước ngày 01/7/2004, nay thay đổi lời khai gia đình bà H sử dụng sau ngày 01/7/2004 là không có cơ sở. Gia đình bà H có sử dụng đất từ năm 2004 thì năm 2005 mới có để chuyển đổi sang đất nuôi trồng thủy sản. Do đó khẳng định gia đình bà H đã sử dụng phần đất này trước ngày 01/7/2004. Điều 77 Luật đất đai năm 2013 quy định đất sử dụng trước ngày 01/7/2004 thì được bồi thường không cần phải có giấy tờ, không cần phải sử dụng ổn định, liên tục. Việc kê khai, đăng ký, nộp thuế chỉ liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không liên quan đến thời gian sử dụng đất. Mặt khác, diện tích đất của bà H nằm trên địa giới hành chính của hai xã H và L nhưng chỉ có UBND xã H xác nhận nguồn gốc, thời gian sử dụng đất, UBND xã H không xác nhận là không đúng quy định. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An hủy Quyết định

giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND V và Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết khiếu nại của bà H để xác định gia đình bà H đã sử dụng phần đất khai hoang trước ngày 01/7/2004 và bồi thường cho gia đình bà H 100% giá trị đất.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán phụ trách giải quyết vụ án cơ bản đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, đối thoại, tiếp cận công khai chứng cứ; tuy nhiên, còn chưa thực hiện đúng thời hạn phân loại, xử lý đơn khởi kiện và thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự cơ bản đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, tuy nhiên người đại diện cho người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố Vinh, Chủ tịch UBND xã H, UBND xã H chưa chấp hành đúng quy định pháp luật về sự có mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật tố tụng Hành chính; Căn cứ khoản 2 Điều 8, Điều 22, Điều 23, Điều 28, khoản 2 Điều 29, điểm a, b khoản 5 Điều 34, khoản 2 Điều 141, khoản 1 Điều 164, khoản 2 Điều 208 Luật đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thi hành một số điều, khoản của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H về việc hủy Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của Chủ tịch UBND xã H và Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của Chủ tịch UBND V về việc giải quyết khiếu nại của bà H.

- Hủy Giấy xác nhận nguồn gốc, thời gian, diện tích sử dụng đất của UBND xã H ngày 01/4/2016 đối với diện tích 5.633,7m² mà gia đình bà Dương Thị H đã sử dụng để thực hiện lại đúng diện tích thuộc thẩm quyền quản lý của địa pH.

- Hủy một phần Quyết định số 4101/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của UBND V về việc phê duyệt pH án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án: Xây dựng hồ điều hòa tại phường H, xã L và xã H, thành phố V đối với gia đình bà Dương Thị H và ông Vương Đình M để thực hiện lại sau khi có kết quả xác nhận nguồn gốc, thời gian sử dụng đất của UBND xã H và UBND xã L đối với diện tích 5.633,7m² mà gia đình bà H, ông M đã sử dụng.

- Buộc cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan Nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

- Buộc Chủ tịch UBND V phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Trả cho bà Dương Thị H số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và các đương sự, các quy định pháp luật hiện hành. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, đối thoại và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục của Luật tố tụng Hành chính. Tại phiên tòa người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố Vinh, Chủ tịch UBND xã Hưng Hòa và UBND xã H, vắng mặt nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; UBND xã H vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Quyết định giải quyết khiếu nại số 81/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của Chủ tịch UBND V là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 12/01/2017, bà Dương Thị H nhận được quyết định giải quyết khiếu nại số 81/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của Chủ tịch UBND V, đến ngày 08/01/2018 bà Dương Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An hủy Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND V là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 125/QĐ-CT ngày 19/10/2016 của Chủ tịch UBND xã H, , Quyết định số 4100/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của UBND thành phố Vinh về việc thu hồi đất tại xã H để thực hiện Dự án: Xây dựng hồ điều hòa tại phường H, xã H và xã L, thành phố V (thu hồi đợt 3 tại xã , xã L), Quyết định số 4101/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của UBND V về việc phê duyệt PH án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án: Xây dựng Hồ Điều Hòa tại phường D, xã L và xã H, thành phố V (Đợt 3 đoạn qua xã H và xã L); Giấy xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất ngày 01/4/2016 của UBND xã H, thành phố V đối với diện tích đất khai hoang 5.633,7m² đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Tuy nhiên, đây là các quyết định hành chính liên quan đến quyết định giải quyết khiếu nại bị

khởi kiện nên Hội đồng xét xử xem xét theo quy định tại Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

[4] Xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khởi kiện số 81/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của Chủ tịch UBND V và quyết định hành chính liên quan số 125/QĐ-CT ngày 19/10/2016 của Chủ tịch UBND xã H, thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của bà Dương Thị H, thấy rằng:

Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà Dương Thị H về việc UBND xã H xác nhận không đúng thời điểm sử dụng diện tích đất sản xuất nông nghiệp 5.633,7m² thuộc diện thu hồi của dự án xây dựng hồ điều hòa, UBND xã H đã ban hành Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 thành lập Đoàn xác minh giải quyết khiếu nại. Đoàn xác minh đã tiến hành xác minh, tổ chức đối thoại theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại của Đoàn xác minh, Chủ tịch UBND xã H đã ban hành Quyết định số 125/QĐ-CT ngày 19/10/2016 về việc giải quyết khiếu nại của bà H. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã Hưng Hòa, bà H đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND V. Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà H, UBND V đã ban hành Quyết định số 7876/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 thành lập Đoàn xác minh giải quyết khiếu nại. Đoàn xác minh đã tiến hành xác minh, tổ chức đối thoại lần hai theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại của Đoàn xác minh, Chủ tịch UBND V ban hành Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 về việc giải quyết khiếu nại của bà Dương Thị H là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 17, khoản 2 Điều 18, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011 và Điều 204 Luật đất đai năm 2013.

Về nội dung: Thực hiện Dự án xây dựng hồ điều hòa tại phường D, xã L và xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, UBND V ban hành quyết định số 4100/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 về việc thu hồi đất của các hộ dân bị ảnh hưởng dự án. Trong đó thu hồi của gia đình bà Dương Thị H diện tích 8.633,7m² đất nuôi trồng thủy sản thuộc thửa đất số 462 tờ bản đồ số 42 tại khu vực Biền Đá xã Hưng Hòa, xã L, thành phố V và lập pH án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà H, trong đó 3.000m² đất do Hợp tác xã P, xã H giao khoán được bồi thường 100% giá trị đất nông nghiệp, còn 5.633,7m² đất khai hoang do sử dụng sau ngày 01/7/2004 nên được hỗ trợ 60% giá trị đất nông nghiệp theo Quyết định số 4101/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của UBND V về việc phê duyệt pH án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án: Xây dựng hồ điều hòa tại phường D, xã L và xã Ha (đợt 3 đoạn qua xã H).

Bà H cho rằng phần diện tích đất khai hoang 5.633,7m² gia đình bà sử dụng liên tục từ trước ngày 01/7/2004 do được bố mẹ bà, các hộ dân khai hoang cho gia

đình bà trước năm 2003 và do vợ chồng ông Dương Xuân D, bà Dương Thị L khai hoang cùng thời điểm với bố mẹ bà đổi cho gia đình bà vào năm 2005. Gia đình bà và gia đình ông D sử dụng trồng lúa mỗi năm 1 vụ cho đến khi chuyển đổi sang đất nuôi trồng thủy sản. UBND xã H xác nhận gia đình bà sử dụng sau ngày 01/7/2004 là không đúng.

Xét thấy: Qua lời khai của các đương sự tại các bản tự khai; phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đối thoại ngày 08/10/2018; tại phiên tòa sơ thẩm và theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1993, bản đồ địa chính đo đạc năm 2001, trích lục đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính khu đất số 108/2015/BĐ.ĐC được UBND V phê duyệt ngày 16/7/2015 và báo cáo của UBND V tại văn bản số 4945/UBND-TTTr ngày 20/8/2018 thì diện tích 5.633,7m² đất gia đình bà H bị thu hồi thực hiện dự án xây dựng hồ điều hòa mà bà H đang khiếu kiện là đất gia đình bà H khai hoang thuộc thửa số 462, tờ bản đồ số 42, nằm trên địa giới hành chính của hai xã H và L. Trong đó: 1.205,9m² nằm trên địa giới hành chính xã Hưng Hòa do UBND xã H quản lý và 4.427,8m² nằm trên địa giới hành chính xã L do UBND xã L quản lý. Tuy nhiên trong quá trình xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất để thu hồi và lập pH án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng sau khi thu hồi đất thì chỉ có UBND xã H xác nhận (BL số 82).

Như vậy, việc UBND xã H xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng của toàn bộ diện tích đất khai hoang 5.633,7m² của gia đình bà Dương Thị H là chưa đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 23, khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 141 Luật đất đai năm 2013 và khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật đất đai năm 2013 nên chưa đủ cơ sở xác định thời điểm sử dụng đất của gia đình bà H. Do đó nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND xã Hưng Hòa và giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND thành phố Vinh đối với khiếu nại của bà H là chưa đảm bảo căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của bà H hủy Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của Chủ tịch UBND V về việc giải quyết khiếu nại lần hai, Quyết định số 125/QĐ-CT ngày 19/10/2016 của Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Dương Thị H và hủy một phần Giấy xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất ngày 01/4/2016 của UBND xã Hưng Hòa đối với phần diện tích đất khai hoang 5.633,7m² của gia đình bà Dương Thị H.

[5] Xét các quyết định hành chính liên quan là Quyết định thu hồi đất số 4100/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 và Quyết định phê duyệt pH án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng số 4101/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của UBND V, thấy rằng: Thực hiện dự án xây dựng hồ điều hòa tại phường Hưng Dũng, xã Hưng Hòa và xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, UBND V đã ban hành Quyết định số 4100/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 về việc thu hồi đất của các hộ dân tại xã H và xã L bị ảnh

hưởng bởi dự án, trong đó có 5.633,7m² diện tích đất nuôi trồng thủy sản thuộc thửa số 462, tờ bản đồ số 42 tại khu vực Biên Đá xã H và xã L, của gia đình bà Dương Thị H và lập pH án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà H là đảm bảo thẩm quyền theo quy định tại Điều 16, Điều 62, Điều 66 Luật đất đai năm 2013. Tuy nhiên phần diện tích 5.633,7m² đất nuôi trồng thủy sản do gia đình bà H khai hoang nằm trên địa giới hành chính của hai xã H, L và do hai xã quản lý nhưng chỉ có UBND xã H xác nhận nguồn gốc, thời gian, diện tích sử dụng đất; UBND xã H không xác nhận là chưa đúng thẩm quyền như đã phân tích trên nên chưa có cơ sở để xác định nguồn gốc, thời gian, diện tích sử dụng đất để tính giá trị bồi thường cho gia đình bà H. UBND V căn cứ vào Giấy xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất ngày 01/4/2016 của UBND xã h để ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt pH án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với 5.633,7m² đất khai hoang của gia đình bà Dương Thị H là chưa đảm bảo căn cứ, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 69 Luật đất đai năm 2013. Do đó cần phải hủy một phần các quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt pH án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với diện tích 5.633,7m² đất khai hoang của gia đình bà H để thực hiện lại theo đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Dương Thị H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, Chủ tịch UBND V phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ Điều 17, khoản 2 Điều 18, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật khiếu nại.

Căn cứ Điều 16, khoản 3 Điều 23, khoản 2 Điều 29, Điều 62, Điều 66, Điều 69, khoản 2 Điều 141, Điều 204 Luật đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H.

- Hủy Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Vinh về việc giải quyết khiếu nại lần hai và Quyết định số 125/QĐ-CT ngày 19/10/2016 của Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Dương Thị H;

- Hủy một phần Quyết định số 4100/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của UBND thành phố Vinh về việc thu hồi đất tại xã L để thực hiện Dự án: Xây dựng hồ điều hòa tại phường H, xã H và xã L, (thu hồi đợt 3 tại xã H, xã L); hủy một phần Quyết định số 4101/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của UBND V về việc phê duyệt pH án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án: Xây dựng hồ điều hòa tại phường D, xã L và xã H, (Đợt 3 đoạn qua xã H và xã L) và hủy một phần Giấy xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất ngày 01/4/2016 của UBND xã H, đối với phần diện tích đất khai hoang 5.633,7m² thuộc thửa số 462, tờ bản đồ số 42, loại đất nuôi trồng thủy sản của gia đình bà Dương Thị H.

- Buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc Chủ tịch UBND V phải chịu 300.000 đồng án phí Hành chính sơ thẩm. Bà Dương Thị H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003766 ngày 06/02/2018.

Người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Từ